

Bản án số: 63/2018/DS-ST

Ngày: 12.6.2018.

V/v tranh chấp “*Hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Ngọc Trang

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Nguyễn Thị Ly;

2. Bà Đào Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy, là Thư ký Tòa án .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới – tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **40/2018/TLST- DS** ngày 26 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 247/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Bé T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 559, ấp B, xã Bình P, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Thị Bé T là bà Ngô Thị Kim X, sinh năm 1960 (Văn bản ủy quyền ngày 07.12.2017) (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 34, khóm 3, phường 1, thành phố C, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hoàng T, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

Bà Phạm Thị Thu B, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 431, tổ 02, ấp B, xã Bình P, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09.01.2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Ngô Thị Kim X đại diện chị Võ Thị Bé T trình bày:

Ngày 15.10.2016 bà Phạm Thị Thu B và anh Phạm Hoàng T có vay của chị Bé T số tiền 90.000.000đ, mục đích vay để xây nhà, có làm biên nhận, lãi 2.700.000đ/tháng, thời hạn 5 năm trả vốn. Sau khi vay bà B và anh T không thực hiện việc đóng lãi, chị Bé T có nhắc nhiều lần vẫn không thực hiện. Nay chị Bé T yêu cầu bà B, anh T phải trả cho chị số tiền 90.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ bà Phạm Thị Thu B và anh Phạm Hoàng T đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng bà B, anh T vắng mặt và cũng không gởi ý kiến cho Tòa án xem xét. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Võ Thị Bé T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Thu B và anh Phạm Hoàng T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền vay 90.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi, bà B, anh T có nơi cư trú ấp B, xã B, huyện C, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Phạm Thị Thu B và anh Phạm Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B, anh T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bé T:

Qua lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xác định được giữa chị Bé T với bà B, anh T có xác lập hợp đồng vay tiền với nhau, lãi mỗi tháng 2.700.000đ, trong 5 năm sẽ trả vốn. Sau khi vay bà B, anh T không đóng lãi cũng không trả vốn. Xét thấy việc vay mượn giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật, bà B, anh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ làm thiệt thòi quyền lợi của chị Bé T. Tòa án có triệu tập bà B, anh T đến tham gia phiên hòa giải để các đương sự thỏa thuận nhau nhưng do bà B, anh T không đến và cũng không có ý kiến phản hồi trong khi chị Bé T cung cấp chứng cứ là “giấy hỏi tiền” có chữ ký của bà B, anh T. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự “ Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Bé T, buộc bà Phạm Thị Thu B, anh Phạm Hoàng T cùng có trách nhiệm trả cho chị Bé T số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

[4] Chị Võ Thị Bé T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Phạm Thị Thu B sinh năm 1956 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí nhưng trong suốt quá trình tố tụng bà không tham gia và cũng không có đơn đề nghị miễn nên Hội đồng xét xử không xem xét .

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Phạm Thị Thu B, anh Phạm Hoàng T phải chịu 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bé T.
- Buộc bà Phạm Thị Thu B và anh Phạm Hoàng T phải có trách nhiệm trả cho chị Võ Thị Bé T số tiền vay 90.000.000 đ (Chín mươi triệu đồng).
- Về án phí sơ thẩm: bà Phạm Thị Thu B và anh Phạm Hoàng T phải chịu 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Chị Võ Thị Bé T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là: 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0019161 ngày 26.01.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Ngọc Trang

M NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Kiệt

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HOÀNG THỊ THIÊN LAI LÝ VĂN THAO

ĐẶNG VĂN KIỆT

